

2013

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT



## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012**

Tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012, kế hoạch hoạt động trong năm 2013 và các định hướng dài hạn của doanh nghiệp

## Mục Lục

|  |           |
|--|-----------|
| <b>I. Lịch sử hoạt động của công ty.....</b>                         | <b>2</b>  |
| 1. Những sự kiện quan trọng:.....                                    | 2         |
| 2. Quá trình phát triển .....  | 3         |
| 2.1. Giới thiệu về công ty .....                                     | 3         |
| 2.2. Ngành nghề kinh doanh:.....                                     | 3         |
| 2.3. Tình hình hoạt động.....  | 5         |
| 3. Định hướng phát triển .....                                       | 7         |
| <b>II. Báo cáo của Hội đồng quản trị.....</b>                        | <b>8</b>  |
| 1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm .....           | 8         |
| 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch.....                          | 10        |
| 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm.....                             | 10        |
| 4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai.....                       | 11        |
| <b>III. Báo cáo của Ban Giám đốc.....</b>                            | <b>12</b> |
| 1. Báo cáo tình hình tài chính .....                                 | 12        |
| 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....                | 14        |
| 3. Những tiến bộ công ty đã đạt được.....                            | 15        |
| 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai. ....                         | 17        |
| <b>IV. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012.....</b>                 | <b>18</b> |
| 1. Bảng cân đối kế toán.....   | 18        |
| 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....                        | 21        |
| 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.....                                   | 22        |
| <b>V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán.....</b> | <b>24</b> |
| 1. Kiểm toán độc lập .....   | 24        |
| 2. Kiểm toán nội bộ.....   | 25        |
| 3. Các công ty có liên quan:.....                                    | 25        |
| 4. Tổ chức và nhân sự .....  | 25        |

## I. Lịch sử hoạt động của công ty

### 1. Những sự kiện quan trọng:

Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất ngày nay tiền thân là Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất, được thành lập từ năm 1967, tách ra từ Viện Thiết kế tổng hợp thuộc Bộ Công nghiệp Nặng .

Năm 1973 Tổng cục Hóa chất quyết định đổi tên Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất thành Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất .

Ngày 22 tháng 5 năm 1978 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 112 CP thành lập Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất với các nhiệm vụ chính như sau :

-Tiến hành nghiên cứu thí nghiệm các lĩnh vực khoa học kỹ thuật về quá trình công nghệ, thiết bị và máy hóa nhằm sớm đưa các công trình nghiên cứu ra phục vụ sản xuất, đổi mới kỹ thuật trong các nhà máy hóa chất đã xây dựng, từng bước trang bị kỹ thuật mới cho toàn bộ ngành công nghiệp hóa chất ở nước ta.

- Thiết kế các nhà máy, xí nghiệp sản xuất hóa chất trực tiếp phục vụ việc xây dựng và phát triển ngành công nghiệp hóa chất toàn quốc .

- Nghiên cứu giúp Tổng cục Hóa chất trong việc xét duyệt, tổ chức xây dựng các công trình và lựa chọn thiết bị hóa chất ... do nước ngoài đảm nhiệm .

Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất là đơn vị hoạt động khoa học thực hiện hạch toán kinh tế đầu tiên (từ năm 1977) của ngành hóa chất .

Năm 1993 để phù hợp với nền kinh tế thị trường, mở rộng thêm ngành nghề , Viện đã được Chính phủ đồng ý cho chuyển thành doanh nghiệp nhà nước với tên gọi Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất ( Quyết định số 370/QĐ-TCNSĐT ngày 17/6/1993) do Bộ Trưởng Bộ công nghiệp Nặng ký).

Năm 2005 thực hiện chủ trương của Đảng và nhà nước về đổi mới doanh nghiệp nhà nước, Công ty đã lập phương án và được Bộ Công nghiệp phê duyệt, chuyển thành

Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất (Theo quyết định số 3493/QĐ-BCN ngày 24/10/2005) hoạt động theo luật doanh nghiệp .

Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 4 năm 2006 đến nay .

## 2. Quá trình phát triển

### 2.1. Giới thiệu về công ty

- Tên Công ty : Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất
- Tên tiếng Anh : Chemical Industry Engineering Joint Stock Company.
- Tên viết tắt : CECO
- Trụ sở chính : 21A- phố Cát linh – Quận Đống đa – TP Hà nội
- Điện thoại : (84-4)38455777 Fax : (84-4) 38232325
- Giấy CNĐKKD : 010301996 ngày 24/02/2006 và lần 8 ngày 23/10/2012 do Sở kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp.
- Vốn điều lệ : 17.579.520.000VND (Mười bảy tỷ năm trăm bảy chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng)

### 2.2. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 010301996 ngày 24/02/2006 và lần 8 ngày 23/10/2012 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là;

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng

hoặc đi thuê .

- Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu, công trình công nghiệp; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Hoạt động tư vấn quản lý (mã ngành: 70200); Hoàn thiện công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống điện; Chuẩn bị mặt bằng; Phá dỡ; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thăm tra, thẩm định các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng, các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề); Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Xử lý chất thải công nghiệp; Cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; Đánh giá tác động môi trường; Thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; Kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Thầu và tổng thầu (EPC) xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có quy mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống

ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng); Tổng thầu các công trình có vốn đầu tư nước ngoài; Sản xuất một số sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường; Khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; Tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; Tư vấn xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

### **2.3. Tình hình hoạt động**

Công ty Cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 04 năm 2006 đến nay, sau hơn 6 năm đi vào hoạt động mặc dù có những khó khăn do chuyển đổi mô hình quản lý, mở rộng ngành nghề phù hợp với nền kinh tế thị trường nhưng công ty từng bước vượt qua và dành được nhiều hợp đồng có giá trị về kinh tế trong lĩnh vực tư vấn thiết kế, thi công xây lắp.

Năm 2012 Công ty cổ phần thiết kế công nghiệp hóa chất đã tham gia góp vốn 8.300.000 tỷ đồng thành lập Công ty cổ phần Máy và Thiết bị công nghiệp hóa chất Việt Nam.



Tổng số các hợp đồng đang được Công ty thực hiện và ký được trong năm 2012 là 202 hợp đồng với tổng giá trị là 908,553 tỷ đồng. So với các Công ty cùng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, thì năm 2012 Công ty có nhiều thuận lợi do khối lượng công việc đã ký Hợp đồng khá lớn so với những năm trước. Việc chuyển đổi hình thức thực hiện dự án dần từ Thiết kế là chủ yếu sang hình thức EPC, làm cho Công ty có nhiều thuận lợi với giá trị doanh thu từ các hợp đồng này lớn, cơ hội tiếp xúc với các tập đoàn, đối tác kỹ thuật, nhà bán quyền công nghệ nước ngoài và các quy trình tiên tiến khi thực hiện các dự án, đã dần ảnh hưởng đến tư duy cũng như cách thức triển khai dự án có nhiều thay đổi như Hợp đồng EPC DAP số 2, Hợp đồng EPC Đạm Hà Bắc... Tuy nhiên, kinh nghiệm thực hiện của Công ty hạn chế cũng như chưa ban hành đầy đủ, kịp thời các quy trình, hướng dẫn chi tiết về kỹ thuật, Thiết kế, Mua sắm, Thi công phù hợp với các dự án EPC nên có nhiều khó khăn, và bỏ lỡ trong quá trình thực hiện các dự án.

Đặc biệt sự rất cố gắng của các vị trí quản lý trong Công ty như trưởng phó các đơn vị, các chủ nhiệm dự án, các chuyên gia kỹ thuật đã góp phần rất lớn để thực hiện các dự án.

Đánh giá chung về công tác sản xuất kinh doanh năm 2012 là đáp ứng về kế hoạch do Đại Hội đồng cổ đông năm 2011 đưa ra về giá trị sản lượng thực hiện, tuy nhiên do khó khăn trong công tác thanh quyết toán nên chưa đáp ứng được về chỉ tiêu doanh thu.

### 3. Định hướng phát triển

#### ❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Lãnh đạo và cán bộ CNV tập trung trí tuệ, đổi mới nhận thức hơn nữa để luôn hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm với mức tăng trưởng hằng năm trên 15%, với cơ cấu giá trị sản lượng hợp lý giữa ba nhóm công việc chính là Tư vấn thiết kế, dịch vụ thi công xây lắp và dịch vụ kỹ thuật môi trường tiến tới đủ sức tổng thầu EPC các công trình công nghiệp hóa chất . Thực hiện tốt chiến lược phát triển công ty, phát huy và quảng bá mạnh mẽ thương hiệu CECO cả bề rộng và chiều sâu .





- Giữ vững và phát huy vai trò là doanh nghiệp tư vấn thiết kế hàng đầu trong ngành công nghiệp hóa chất và các ngành công nghiệp khác liên quan .
- Phấn đấu đưa đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, cổ tức cho cổ đông năm sau bằng và cao hơn năm trước.
- Xây dựng thương hiệu và phát triển thương hiệu, đưa CECO trở thành top 5 thực hiện công việc tư vấn thiết kế và thi công xây lắp .
- Cung cấp hoàn chỉnh các đề án thiết kế và các dịch vụ tư vấn đầu tư, cung ứng, thi công xây dựng công trình và đánh giá tác động môi trường, thỏa mãn mọi yêu cầu đã thỏa thuận với khách hàng nhằm tạo niềm tin với công ty .

#### ❖ *Chiến lược phát triển trung và dài hạn*

Tăng cường công tác tiếp thị, thông tin thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh trong đó đặc biệt coi trọng đến việc xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm, thương hiệu doanh nghiệp để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường qua các đối tác trong nước và nước ngoài.

Nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, quản lý chất lượng, tiến độ của các dự án đặc biệt là tiến độ các hợp đồng EPC .

Tăng cường hợp tác phát triển với các đối tác trong và ngoài nước, ký các thỏa thuận ghi nhớ hợp tác với các đối tác có các thế mạnh riêng theo từng lĩnh vực để cùng tham gia thực hiện các dự án lớn (Tổng thầu EPC, Dự án đầu tư, Thiết kế BVTC, PMC, Tư vấn giám sát, các đề tài nghiên cứu khoa học...) trong và ngoài ngành.

## **II. Báo cáo của Hội đồng quản trị**

### **1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm**

Xét trên phương diện vĩ mô của nền kinh tế, năm 2012 tình hình kinh tế Việt nam có nhiều trầm lắng và khó khăn trong việc phát triển, năm 2012 là năm thứ hai liên tiếp Việt Nam không đạt kế hoạch như đã dự kiến. Trên thị trường, lãi suất vẫn còn cao so với

hiệu quả đầu tư nên các nhà đầu tư xem xét kỹ lưỡng về các điều kiện khi triển khai các dự án. Các dự án trong kế hoạch triển khai năm 2012 của ngành phân bón và hóa chất do nhiều nguyên nhân bị chậm hoặc xem xét lại các điều kiện đầu tư dẫn đến ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển chung của Công ty.

Về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2012 có nhiều thuận lợi do giá trị các Hợp đồng EPC lớn đã ký từ các năm trước để lại, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cơ bản đáp ứng được chỉ tiêu của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và chỉ tiêu phân đầu của Công ty.

- Tổng số các hợp đồng được Công ty tổ chức thực hiện trong năm 2012 là 202 hợp đồng với tổng giá trị là 908,553 tỷ đồng.

Trong đó:

- Tư vấn Thiết kế : 121,095 tỷ đồng (105 Hợp đồng)
- Thi công, xây lắp : 782,085 tỷ đồng (59 Hợp đồng, 07 HĐ EPC)
- Dịch vụ khác: 5,374 tỷ đồng (31 Hợp đồng)
- Doanh thu bán hàng đạt : 163.142.389.095 đồng tăng 98,4% so với 2011
- Lợi nhuận trước thuế: 8.943.805.782 đồng tăng 134% so 2011
- Tình hình tài chính của công ty thời điểm 31/12/2012:

| TT | Chỉ tiêu                     | Số tiền (đồng)  |
|----|------------------------------|-----------------|
| 1  | Tài sản ngắn hạn             | 106.962.378.816 |
| 2  | Tài sản dài hạn              | 25.365.249.055  |
| 3  | Tổng giá trị tài sản         | 132.327.627.871 |
| 4  | Doanh thu bán hàng           | 163.142.389.095 |
| 5  | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 19.144.806.492  |
| 6  | Lợi nhuận trước thuế         | 8.943.805.782   |
| 7  | Lợi nhuận sau thuế           | 6.686.361.294   |

## 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị: triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu             | ĐVT  | KH tập đoàn<br>giao năm<br>2012 | TH năm 2012 | Tỷ lệ % TH/KH<br>năm 2012 |
|----|----------------------|------|---------------------------------|-------------|---------------------------|
| 1  | Tổng doanh thu       | tr đ | 161.000                         | 163.142     | 101.3%                    |
| 2  | Lợi nhuận trước thuế | tr đ | 8.510                           | 8.944       | 105.1%                    |
| 3  | Thu nộp ngân sách    | tr đ | 9.036                           | 8.823       | 97.6%                     |
| 4  | Thu nhập bình quân   | tr đ | 9,1                             | 10,5        | 115.4%                    |

## 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

Thực hiện chỉ đạo định hướng của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã đoàn kết đồng lòng khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế đồng thời tích lũy được kinh nghiệm trong công tác điều hành quản lý doanh nghiệp như sau:

- Hoàn thành việc đền bù, giải tỏa phần đất xen kẹt còn lại ngoài chỉ giới thu hồi xây dựng tuyến cống thoát nước Hào nam- La thành và đang tiến hành hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền hợp khối với phần đất của công ty đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất .
- Xây dựng dãy Kiot nối liền các phòng làm việc tại tầng 1 với phần đất mới giải tỏa, phục vụ mục đích kinh doanh
  - Sửa chữa văn phòng làm việc phù hợp với công năng sử dụng;
  - Lập dự án ĐTXD văn phòng làm việc tại Xuân Phương
- Hoàn thành đánh giá nội bộ đợt 1 và 2 để kiểm tra việc tuân thủ các yêu cầu của HTQLCL theo ISO 9001:2008. Đã được Công ty TNHH GIC Việt Nam đánh giá giám sát lần I trong thời hạn chứng chỉ ISO 9001:2008 ba năm 2011-2014. Trong năm 2012, công ty đã tập trung cho công tác soát xét nội bộ với sự phân công trực tiếp các chuyên

gia trong các lĩnh vực để nâng cao chất lượng các sản phẩm đầu ra. Tuy nhiên việc xây dựng các quy trình chi tiết, hướng dẫn chi tiết để thực hiện dự án EPC còn phải triển khai hoàn thiện trong năm 2013 để đáp ứng nhu cầu phát triển và thay đổi hình thức sản phẩm của Công ty.

- Hoàn thành việc thành lập Công ty cổ phần Máy và thiết bị công nghiệp hóa chất Việt Nam ngày 15/01/2012. Công ty đã cùng các cổ đông sáng lập tiến hành các thủ tục cho hội nghị Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam (VMEC). Đã hoàn thành việc góp vốn (8,3 tỷ đồng, chiếm 55,33% vốn điều lệ của VMEC), hiện nay VMEC đã đi vào hoạt động SXKD; Đầu tư vào Công ty CP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (Tanichem) 1,638 tỷ đồng

#### **Thông tin về công ty: Công ty cổ phần Máy và Thiết bị công nghiệp hóa chất Việt Nam**

- **Tên tiếng việt:** Công ty cổ phần Máy và Thiết bị công nghiệp hóa chất Việt Nam
- **Tên tiếng anh:** Vietnam Machinery and Equipment for chemical industry Joint stock company
- **Tên viết tắt:** VMEC
- **Trụ sở:** Xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
- **Vốn điều lệ:** 15.000.000.000 đồng
- **Vốn CECO góp:** 8.300.000.000 đồng (chiếm 53.33%)

#### **4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác khai thác thị trường, tham gia dự thầu, chào hàng, tiếp cận với các Chủ đầu tư để nhanh chóng thương thảo ký kết hợp đồng đối với các công trình dự kiến khai thác trong năm 2013.

Các công trình dự kiến khai thác trong năm 2013 với tổng giá trị hợp đồng khoảng 217.000 tỷ đồng trong đó:

- Tư vấn thiết kế: 17 hợp đồng với giá trị Hợp đồng: 37,5 tỷ đồng
- Thi công xây lắp: 19 hợp đồng với giá trị Hợp đồng: 25,3 tỷ đồng

- Hình thức EPC 8 hợp đồng với giá trị : 155 tỷ đồng

**Công ty đặt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 như sau:**

*DVT: triệu đồng*

| TT       | Chỉ tiêu                    | Giá trị dự kiến năm 2013 | Ghi chú |
|----------|-----------------------------|--------------------------|---------|
| 1        | 2                           | 3                        | 4       |
| <b>1</b> | <b>Tổng GTSXCN</b>          | <b>400.000</b>           |         |
|          | Tư vấn TK & dịch vụ         | 70.000                   |         |
|          | Thi công, Mua sắm           | 330.000                  |         |
| <b>2</b> | <b>Tổng doanh thu</b>       | <b>380.000</b>           |         |
|          | Tư vấn TK & dịch vụ         | 60.000                   |         |
|          | Thi công, Mua sắm           | 320.000                  |         |
| <b>3</b> | <b>Lợi nhuận TT</b>         | <b>13.000</b>            |         |
| <b>4</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>   | <b>9.750</b>             |         |
| <b>6</b> | <b>Lao động tiền lương</b>  |                          |         |
|          | Tổng số LĐ huy động sử dụng | 372                      |         |
|          | Thu nhập bình quân          | 15                       |         |
| <b>7</b> | <b>Đầu tư xây dựng</b>      | 7.000                    |         |
| <b>8</b> | <b>Đề tài NCKHCN</b>        | 2.590                    |         |

### III. Báo cáo của Ban Giám đốc

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính

❖ *Các chỉ tiêu tài chính năm 2012*

| STT      | Chỉ tiêu                        | Năm 2012 |
|----------|---------------------------------|----------|
| <b>1</b> | Cơ cấu tài sản                  |          |
|          | - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | 80.83%   |
|          | - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản  | 19.17%   |
| <b>2</b> | Cơ cấu nguồn vốn                |          |

|          |   |        |
|----------|---|--------|
|          | - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn                  | 71.12% |
|          | - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn        | 28.88% |
| <b>3</b> | Khả năng thanh toán                           |        |
|          | - Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn             | 1.14   |
|          | - Khả năng thanh toán nhanh                   | 0.86   |
| <b>4</b> | Khả năng sinh lời                             |        |
|          | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần | 4.10%  |
|          | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Tổng nguồn vốn  | 5.83%  |
|          | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu  | 22.96% |

**❖ Phân tích những biến động trong năm**

Đánh giá chung về công tác sản xuất kinh doanh năm 2012 là đáp ứng về kế hoạch do Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 đưa ra về giá trị sản lượng thực hiện, tuy nhiên do khó khăn trong công tác thanh quyết toán nên chưa đáp ứng được về chỉ tiêu doanh thu.

**❖ Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2012**

Nguồn vốn chủ sở hữu- Nguồn kinh phí quỹ

Giá trị sổ sách 1 cổ phần= \_\_\_\_\_

Số cổ phần đã phát hành- Cổ phiếu quỹ

Giá trị sổ sách của công ty tại thời điểm 31/12/2012

38.209.380.607- (-1.234.822.574)

Giá trị sổ sách 1 cổ phần= \_\_\_\_\_ = 21.033đ/CP

1.757.952

**❖ Tổng số cổ phiếu theo từng loại:**

- Cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 1.757.952 cổ phần

- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

❖ *Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2012*

| Tên cổ đông  | Số cổ phần nắm giữ<br>( CP ) | Tỷ lệ  |
|--|------------------------------|--------|
| <b>1. CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC</b>   |                              |        |
| Tập đoàn Hóa chất Việt nam   | 927.540CP                    | 52,76% |
| Đại diện: - Ông Đỗ Hiên Ngang<br>- Ông Nguyễn Mạnh Hùng<br>- Ông Phan Hoài Thanh |                              |        |
| <b>2. CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC</b>  |                              |        |
| <b>Trong đó:</b>   |                              |        |
| + Trong nước : Công ty CP Việt sáng tạo  | 58.598CP                     | 3,33%  |
| + Ngoài nước   | không                        | 0%     |
| <b>3. CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN</b>  |                              |        |
| + Trong nước   | 771.814CP                    | 43,91% |
| + Ngoài nước   | không                        | 0%     |

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty qua một số chỉ tiêu chính năm 2012 như sau:

| TT | Chỉ tiêu       | TH 2011        | KH năm 2012     | TH năm 2012     | Tỷ lệ %<br>TH/KH<br>2012 | Tỷ lệ TH<br>2012/<br>TH 2011 |
|----|----------------|----------------|-----------------|-----------------|--------------------------|------------------------------|
| 1  | Tổng doanh thu | 82,235,318,032 | 161,000,000,000 | 163,142,389,095 | 101.3%                   | 198.4%                       |

|   |                      |               |               |               |        |        |
|---|----------------------|---------------|---------------|---------------|--------|--------|
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 3,822,115,838 | 8,510,000,000 | 8,943,805,782 | 105.1% | 234.0% |
| 3 | Thu nộp ngân sách    | 2,866,586,879 | 9,036,000,000 | 8,823,000,000 | 97.6%  | 307.8% |
| 4 | Thu nhập bình quân   | 9,710,000     | 9,100,000     | 10,500,000    | 115.4% | 108.1% |

### 3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

Những cải tiến về chính sách, quản lý:

#### ❖ Công tác quản trị và nhân sự

Đã quyết định bổ nhiệm 01 phó Giám đốc, 01 Giám đốc Chi nhánh, 02 Phó phòng, Quyết định bổ nhiệm lại 01 Giám đốc trung tâm, 01 Phó giám đốc trung tâm, 01 trưởng phòng, 01 phó phòng (phụ trách phòng). Quyết định giải thể 01 đơn vị: Trung tâm Nghiên cứu và Triển khai Công nghệ Hóa chất, quyết định thành lập phòng Kinh tế - Dự toán, đổi tên Trung tâm Tư vấn và Đầu tư thành Trung tâm Tư vấn đầu tư và Quản lý dự án, Phòng Đảm bảo chất lượng thành Phòng Quản lý Khoa học, Kỹ thuật và Chất lượng và điều chuyển một số cán bộ giữa các đơn vị theo yêu cầu công việc.

#### ❖ Đào tạo

- Cử 7 kỹ sư đi đào tạo theo công việc tại Công ty TTCL-Thái Lan.
- Tổ chức khóa đào tạo kiến thức ban đầu cho khoảng hơn 40 nhân viên mới.
- Cử nhân viên bồi dưỡng nghiệp vụ Quản lý đấu thầu, Quản lý dự án, Quản trị và lập Hợp đồng kinh tế...
- Tổ chức lớp học về phần mềm thiết kế PDMS.

#### ❖ Quản lý Khoa học

- Hoạt động cấp Bộ:



- Tổng hợp đăng ký 6 đề xuất cho chương trình tiết kiệm năng lượng quốc gia năm 2013.

- Tham gia bảo vệ và đã được chấp thuận cho 3 trong 6 đề xuất đăng ký đề tài cấp Bộ Công Thương năm 2013.

- Hoạt động cấp Tập đoàn:

- Lập báo cáo tổng hợp công tác nghiên cứu KHCN của Công ty năm 2012 và kế hoạch nghiên cứu KHCN của công ty năm 2013

- Hoạt động cấp Cơ sở:

- Triển khai thực hiện 6 đề tài nội bộ để làm cơ sở dữ liệu .

- Đề xuất dự án sản xuất thử nghiệm côn sinh học (liên kết hợp tác với ITB).

#### ❖ ***Quản lý kỹ thuật và chất lượng***

*Các quy trình chất lượng Công ty đã được xây dựng trong năm qua:*

- Xây dựng lại Sổ tay Chất lượng phù hợp với cơ cấu tổ chức, quy mô hoạt động hiện nay và chiến lược Công ty trong thời gian tới;

- Quy trình sử dụng phần mềm Weboffice QT-27 để quản lý các hoạt động trong Công ty;

- Hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính HD-16, Quy trình quản lý văn bản nội bộ QT-17, Hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản nội bộ HD-17;

- Cập nhật toàn bộ nội dung và những sửa đổi liên quan đến tất cả các quy trình hiện có;

*Công tác xây dựng quy trình cấp dự án:*

- Xây dựng quy trình mua sắm cho dự án DAP2 phù hợp với hoạt động của CECO;

- Dự thảo ba quy trình dự án cho dự án Đạm Hà Bắc;
- Thông qua 11 quy trình dự án cho dự án NPK Nông sản Lào cai;
- Bước đầu đã tập hợp một số quy trình dự án tham khảo từ dự án DAP2 để chuẩn bị xây dựng bộ quy trình dự án mẫu chung cho Công ty trong những năm tới

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

Bước sang năm 2013, theo nhận định đánh giá của nhiều chuyên gia kinh tế, nền kinh tế thế giới sẽ tiếp tục có những biến động lớn và tăng trưởng chậm. Từ nhận định trên, nền kinh tế Việt Nam sẽ chịu ảnh hưởng không nhỏ trong việc khai thác công việc trong lĩnh vực tư vấn và đầu tư. Mặt khác, hiện nay nhiều Công ty tư vấn & tổng thầu công nghiệp nước ngoài đã vào Việt Nam tạo nên môi trường cạnh tranh với các nhà tư vấn thiết kế trong nước, đây là một khó khăn thách thức ảnh hưởng đến tình hình SXKD của CECO trong thời gian sắp tới.

Tuy nhiên năm 2013 Công ty có rất nhiều thuận với nguồn công việc để lại từ năm 2012, nhiệm vụ chủ yếu là tổ chức sản xuất tốt để thực hiện sản lượng đã đề ra và khả năng mở rộng thị trường, khả năng ký kết thêm các hợp đồng mới.

Các công trình dự kiến khai thác trong năm 2013 với tổng giá trị Hợp đồng khoảng 217.000 tỷ đồng trong đó:

- Tư vấn thiết kế: 17 hợp đồng với giá trị Hợp đồng: 37,5 tỷ đồng
- Thi công xây lắp: 19 hợp đồng với giá trị Hợp đồng: 25,3 tỷ đồng
- Hình thức EPC 8 hợp đồng với giá trị : 155 tỷ đồng



#### IV. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012

##### 1. Bảng cân đối kế toán

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 Năm 2012)

|  |            |             |                        | Đơn vị tính: VND      |  |
|--|------------|-------------|------------------------|-----------------------|--|
| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2012             | 01/01/2012            |  |
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                  | <b>100</b> |             | <b>106,962,378,816</b> | <b>79,982,879,103</b> |  |
| <b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>3</b>    | <b>43,123,456,507</b>  | <b>11,827,404,087</b> |  |
| 1. Tiền                                      | 111        |             | 28,123,456,507         | 8,650,289,919         |  |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |             | 15,000,000,000         | 3,177,114,168         |  |

|   |            |           |                       |                       |
|---|------------|-----------|-----------------------|-----------------------|
| <b>II- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        | <b>130</b> |           | <b>33,015,153,714</b> | <b>36,558,533,173</b> |
| 1. Phải thu khách hàng                        | 131        |           | 31,647,538,461        | 27,137,494,914        |
| 2. Trả trước cho người bán                    | 132        |           | 1,721,090,700         | 9,608,288,184         |
| 3. Các khoản phải thu khác                    | 135        | <b>4</b>  | 1,053,313,470         | 671,359,075           |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi         | 139        |           | (1,406,788,917)       | (858,609,000)         |
| <b>III Hàng tồn kho</b>                       | <b>140</b> | <b>5</b>  | <b>26,593,512,836</b> | <b>28,165,950,245</b> |
| -   |            |           |                       |                       |
| 1. Hàng tồn kho                               | 141        |           | 26,593,512,836        | 28,165,950,245        |
| <b>IV- Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |           | <b>4,230,255,759</b>  | <b>3,430,991,598</b>  |
| 1. Thuế GTGT được khấu trừ                    | 152        |           | 803,494,649           | -                     |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước   | 154        | <b>6</b>  | 1,000,000             | 4,365,000             |
| 3. Tài sản ngắn hạn khác                      | 158        |           | 3,425,761,110         | 3,426,626,598         |
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |           | <b>25,365,249,055</b> | <b>16,933,659,720</b> |
| <b>I- Tài sản cố định</b>                     | <b>220</b> |           | <b>21,217,108,975</b> | <b>13,420,197,068</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                   | 221        | <b>7</b>  | 18,564,670,641        | 11,661,734,643        |
| - Nguyên giá                                  | 222        |           | 29,783,328,032        | 20,595,037,147        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                      | 223        |           | (11,218,657,391)      | (8,933,302,504)       |
| 2. Tài sản cố định vô hình                    | 227        | <b>8</b>  | 2,652,438,334         | 764,833,334           |
| - Nguyên giá                                  | 228        |           | 2,811,650,000         | 829,000,000           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                      | 229        |           | (159,211,666)         | (64,166,666)          |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang            | 230        | <b>9</b>  | -                     | 993,629,091           |
| <b>II- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b> | <b>250</b> | <b>10</b> | <b>1,638,000,000</b>  | <b>234,000,000</b>    |

|                          |  |            |           |                        |                       |
|--------------------------|--|------------|-----------|------------------------|-----------------------|
| 1.                       | Đầu tư dài hạn khác                        | 258        |           | 1,638,000,000          | 234,000,000           |
| <b>II-</b>               | <b>Tài sản dài hạn khác</b>                | <b>260</b> |           | <b>2,510,140,080</b>   | <b>3,279,462,652</b>  |
| 1.                       | Chi phí trả trước dài hạn                  | 261        | 11        | 1,694,523,304          | 2,699,018,750         |
| 2.                       | Tài sản dài hạn khác                       | 268        |           | 815,616,776            | 580,443,902           |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> |  | <b>270</b> |           | <b>132,327,627,871</b> | <b>96,916,538,823</b> |
| <b>NGUỒN VỐN</b>         |  |            |           |                        |                       |
| <b>A-</b>                | <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                         | <b>300</b> |           | <b>94,118,247,264</b>  | <b>69,757,423,601</b> |
| <b>I-</b>                | <b>Nợ ngắn hạn</b>                         | <b>310</b> |           | <b>93,548,378,419</b>  | <b>69,747,110,628</b> |
| 1.                       | Vay và nợ ngắn hạn                         | 311        | 11        | 3,709,890,000          | 16,358,811,472        |
| 2.                       | Phải trả người bán                         | 312        |           | 7,066,935,287          | 9,871,118,801         |
| 3.                       | Người mua trả tiền trước                   | 313        |           | 59,910,610,742         | 30,885,959,832        |
| 4.                       | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 314        | 12        | 7,029,465,906          | 1,892,745,136         |
| 5.                       | Phải trả người lao động                    | 315        |           | 786,698,054            | 1,453,305,817         |
| 6.                       | Chi phí phải trả                           | 316        | 13        | 14,046,178,151         | 8,499,085,045         |
| 7.                       | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319        | 14        | 2,233,422,853          | 1,795,508,437         |
| 8.                       | Quỹ khen thưởng phúc lợi                   | 323        |           | (1,234,822,574)        | (1,009,423,912)       |
| <b>II-</b>               | <b>Nợ dài hạn</b>                          | <b>330</b> |           | <b>569,868,845</b>     | <b>10,312,973</b>     |
| 1.                       | Dự phòng trợ cấp mất việc làm              | 336        |           | -                      | 10,312,973            |
| 2.                       | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ       | 339        |           | 569,868,845            | -                     |
| <b>B-</b>                | <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                      | <b>400</b> |           | <b>38,209,380,607</b>  | <b>27,159,115,222</b> |
| <b>I-</b>                | <b>Vốn chủ sở hữu</b>                      | <b>410</b> | <b>15</b> | <b>30,997,553,445</b>  | <b>27,238,081,345</b> |
| 1.                       | Vốn đầu tư của chủ sở hữu                  | 411        |           | 17,579,520,000         | 17,579,520,000        |

|                            |                                   |            |                        |                       |
|----------------------------|-----------------------------------|------------|------------------------|-----------------------|
| 2.                         | Chênh lệch tỷ giá hối đoái        | 416        | -                      | (2,010,779)           |
| 3.                         | Quỹ đầu tư phát triển             | 417        | 5,857,499,948          | 5,057,829,101         |
| 4.                         | Quỹ dự phòng tài chính            | 418        | 879,485,488            | 736,156,144           |
| 5.                         | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420        | 6,681,048,009          | 3,866,586,879         |
| <b>II-</b>                 | <b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b> | <b>430</b> | <b>506,513,877</b>     | <b>(78,966,123)</b>   |
| 1.                         | Nguồn kinh phí                    | 432        | 16                     | 506,513,877           |
| <b>C</b>                   | <b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>   | <b>439</b> | <b>6,705,313,285</b>   | <b>-</b>              |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> |                                   | <b>440</b> | <b>132,327,627,871</b> | <b>96,916,538,823</b> |

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012)

| <i>Đơn vị tính: VNĐ</i> |       |             |                                  |                |
|-------------------------|-------|-------------|----------------------------------|----------------|
|                         | Mã số | Thuyết minh | Năm 2012                         | Năm 2011       |
| 1.                      | 01    | 17          | 163,142,389,095                  | 82,235,318,032 |
| 3.                      | 10    | 18          | 163,142,389,095                  | 82,235,318,032 |
| 4.                      | 11    | 19          | 132,633,649,291                  | 67,578,051,057 |
| 5.                      | 20    |             | 30,508,739,804                   | 14,657,266,975 |
| 6.                      | 21    | 20          | 1,196,827,454                    | 969,958,959    |
| 7.                      | 22    | 21          | 2,841,180,773                    | 2,928,551,491  |
|                         | 23    |             | 2,839,169,994                    | 2,928,551,491  |
|                         |       |             | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> |                |

|     |   |           |           |                      |                      |
|-----|---|-----------|-----------|----------------------|----------------------|
| 8.  | Chi phí bán hàng                                | 24        |           | 758,349,479          | -                    |
| 9.  | Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 25        |           | 19,144,806,492       | 10,423,035,068       |
| 10. | <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>  | <b>30</b> |           | <b>8,961,230,514</b> | <b>2,275,639,375</b> |
| 11. | Thu nhập khác                                   | 31        |           | 1,167,908,456        | 1,564,422,319        |
| 12. | Chi phí khác                                    | 32        |           | 1,185,333,188        | 17,945,856           |
| 13. | Lợi nhuận khác                                  | 40        |           | 17,424,732)          | 1,546,476,463        |
| 14. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế               | 50        |           | 8,943,805,782        | 838                  |
| 15. | Chi phí thuế TNDN hiện hành                     | 51        | 22        | 2,257,444,488        | 955,528,959          |
| 16. | <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> | <b>60</b> |           | <b>6,686,361,294</b> | <b>2,866,586,879</b> |
| 17. | Lợi ích của Cổ đông thiểu số                    | 70        |           | 5,313,285            | -                    |
| 18. | Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty Mẹ       | 80        |           | 6,681,048,009        | 2,866,586,879        |
| 19. | <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                 | <b>70</b> | <b>23</b> | <b>3,803</b>         | <b>1,631</b>         |

### 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012)

|   |       |               |               | Đơn vị tính: VNĐ |  |
|---|-------|---------------|---------------|------------------|--|
| CHỈ TIÊU  | Mã số | Năm 2012      | Năm 2011      |                  |  |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b> |       |               |               |                  |  |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                           | 01    | 8,943,805,782 | 3,822,115,838 |                  |  |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản                       |       |               |               |                  |  |
| - Khấu hao tài sản cố định                        | 02    | 2,645,090,933 | 1,552,480,766 |                  |  |

|  |           |                       |                         |
|--|-----------|-----------------------|-------------------------|
| - Các khoản dự phòng   | 03        | 548,179,917           | 30,000,000              |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        | (1,194,816,675)       | (969,958,959)           |
| - Chi phí lãi vay  | 06        | 2,839,169,994         | 2,928,551,491           |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                          | <b>08</b> | <b>13,781,429,951</b> | <b>7,363,189,136</b>    |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        | 2,195,935,381         | 18,124,440,185          |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        | 1,572,437,410         | (21,367,974,573)        |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11        | 36,300,990,623        | 1,875,266,779           |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        | 1,004,495,446         | (2,314,673,098)         |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 13        | (3,012,141,512)       | (2,650,176,754)         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 14        | (1,375,718,458)       | (1,063,686,871)         |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 15        | 12,281,610,644        | 15,377,908,566          |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        | (15,843,670,254)      | (26,738,561,848)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>   | <b>20</b> | <b>46,905,369,231</b> | <b>(11,394,268,478)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |                       |                         |
| <b>1.</b> Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                         | 21        | (3,257,640,186)       | (715,795,421)           |
| <b>2.</b> Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                      | 22        | 8,000,000             | 55,494,163              |
| <b>3.</b> Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                   | 23        | (500,000,000)         | -                       |
| <b>4.</b> Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                           | 24        | 3,677,114,168         | 2,867,315,604           |
| <b>5.</b> Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác  | 25        | (1,404,000,000)       | -                       |
| <b>6.</b> Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                    | 27        | 1,196,827,454         | 969,958,959             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> | <b>(279,698,564)</b>  | <b>3,176,973,305</b>    |



**III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**

|    |   |           |                         |                        |
|----|---|-----------|-------------------------|------------------------|
| 1. | Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                | 33        | 41,834,880,041          | 22,228,000,000         |
| 2. | Tiền chi trả nợ gốc vay                             | 34        | (54,527,670,287)        | (16,822,148,528)       |
| 3. | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu             | 36        | (2,636,828,000)         | (2,636,928,000)        |
|    | <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <b>40</b> | <b>(15,329,618,246)</b> | <b>2,768,923,472</b>   |
|    | <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>               | <b>50</b> | <b>31,296,052,421</b>   | <b>(5,448,371,701)</b> |
|    | <b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>              | <b>60</b> | <b>11,827,404,087</b>   | <b>17,275,775,788</b>  |
|    | <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>             | <b>70</b> | <b>43,123,456,508</b>   | <b>11,827,404,087</b>  |

**V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán****1. Kiểm toán độc lập**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp hóa chất bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 lập ngày 06 tháng 3 năm 2013 được trình bày từ trang 07 đến trang 31 báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2012.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi

*Cơ sở của ý kiến*

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần

thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám Đốc cũng như các trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

#### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần thiết kế công nghiệp hóa chất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

## **2. Kiểm toán nội bộ**

- Ý kiến kiểm toán nội bộ: Không
- Các nhận xét đặc biệt: Không

## **3. Các công ty có liên quan:**

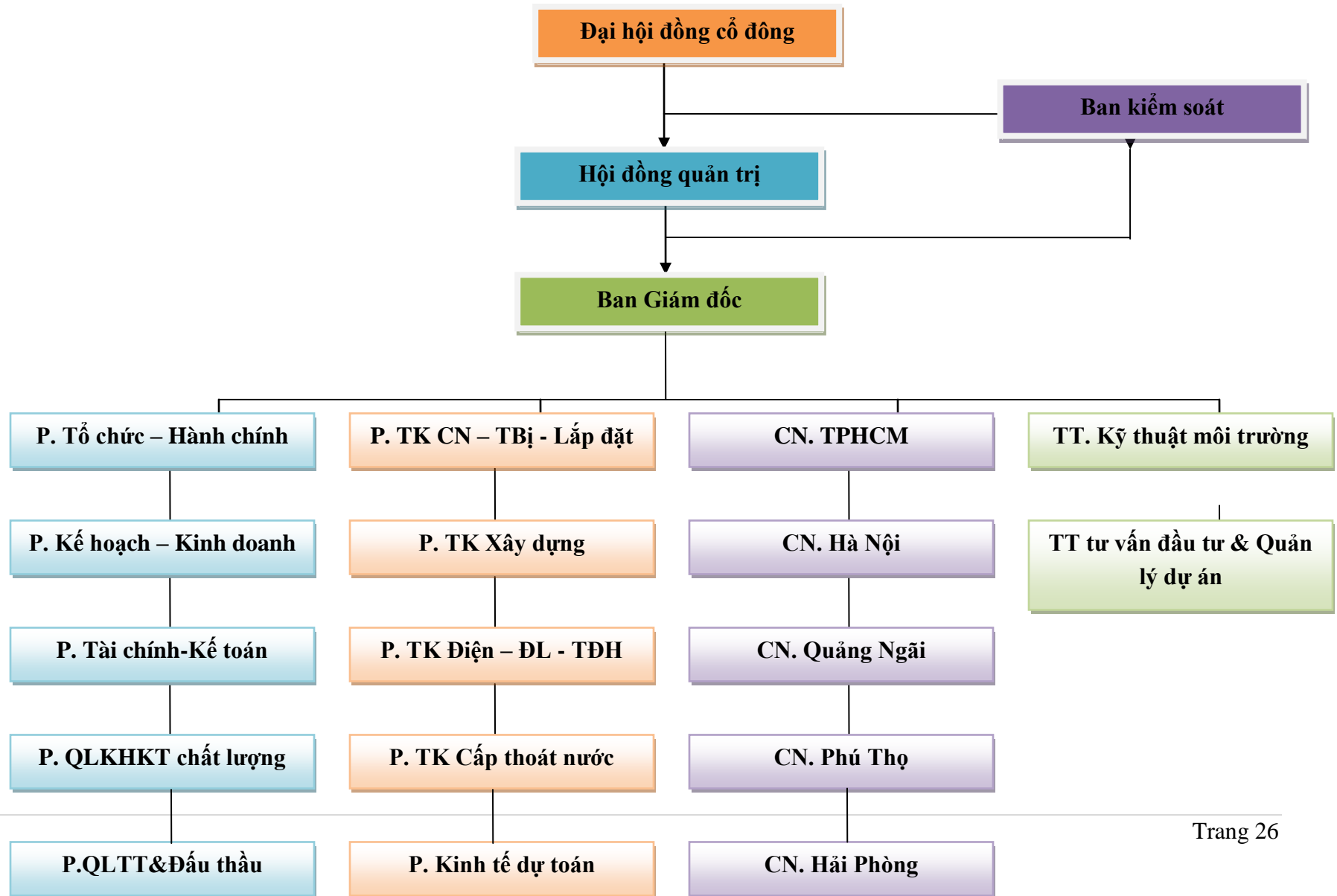
**Công ty cổ phần Máy và thiết bị công nghiệp hóa chất Việt nam (VMEC)**

Ý kiến: Không

## **4. Tổ chức và nhân sự**

- Ý kiến của tổ chức và nhân sự: Không

**SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**



## Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

### ❖ Ông Đỗ Hiên Ngang- Chủ tịch HĐQT

1. Họ và tên: Đỗ Hiên Ngang
2. Giới tính : Nam
3. Ngày sinh: 07-02-1964
4. CMND Số : 024241861 Ngày cấp: 08/4/2004 tại: CA Tp HCM
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú : 61/36 Bình Giã, Phường 13, Q.Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh
7. Chỗ ở hiện tại : 61/36 Bình Giã, Phường 13, Q.Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh
8. Số điện thoại liên lạc: 08.38495905 Di động: 0913.923.659
9. Trình độ văn hóa : Thạc sĩ
10. Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
11. Quá trình công tác:
  - Từ năm 1988 đến nay Công tác tại Công ty CP Thiết kế CN Hóa chất.
12. Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
13. Số lượng cổ phiếu được ủy quyền hoặc nắm giữ: 16.261 cổ phiếu
14. Số cổ phần của người có liên quan: Không có

### ❖ Ông Đinh Đức Bộ- Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

1. Họ và tên: Đinh Đức Bộ
2. Giới tính : Nam

3. Ngày sinh: 20/07/1962
4. CMND Số : 011818815 ngày cấp: 07/09/2004 tại: CA Tp Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú : Số 14, hẻm 76/1, ngõ Thịnh Hào 1, Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội
7. Chỗ ở hiện tại : Số 14, hẻm 76/1, ngõ Thịnh Hào 1, Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội
8. Số điện thoại liên lạc: 04.37322318 Di động: 0912.201.616
9. Trình độ văn hóa : Đại học
10. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

11. Quá trình công tác:

Từ năm 1987 đến nay công tác tại Công ty CP Thiết kế Công nghiệp hóa chất.

12. Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty
13. Số lượng cổ phiếu được ủy quyền hoặc nắm giữ: 19.810 cổ phiếu
14. Số cổ phần của người có liên quan:

Em ruột: Đinh Đức Đội : 1.539 cổ phiếu

**❖ Ông Nguyễn Công Thắng- Ủy viên HĐQT kiêm giám đốc chi nhánh TP HCM**

1. Họ và tên: Nguyễn Công Thắng
2. Giới tính : Nam

3. Ngày sinh: 26/04/1974
4. CMND Số : 011637754 ngày cấp: 28/10/2004 tại: CA Tp Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú : Số 3, ngõ 63 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội
7. Chỗ ở hiện tại : C1802, chung cư đất phương nam, đường Chu Văn An- Quận Bình Thạnh TP HCM.
8. Số điện thoại liên lạc: 0903.000.870
9. Trình độ văn hóa : Đại học
10. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy hóa.
11. Quá trình công tác:

Từ năm 1996 đến nay công tác tại Công ty CP Thiết kế CN Hóa chất

12. Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, Giám đốc Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh
13. Số lượng cổ phiếu được ủy quyền hoặc nắm giữ: 39.662 cổ phiếu
14. Số cổ phần của người có liên quan:  
Mẹ vợ: Nguyễn Hương Chi : 6.372 cổ phần

**❖ Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Ủy viên HĐQT kiêm giám đốc công ty**

1. Họ và tên: Nguyễn Mạnh Hùng
2. Giới tính : Nam
3. Ngày sinh: 21/01/1961
4. CMND Số : 011425292 Ngày cấp: 12/10/2004 Tại: CA Tp Hà Nội

5. Quốc tịch: Việt Nam
  6. Địa chỉ thường trú: C4, Tập thể Hóa chất, ngõ Thịnh Hòa 1, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội
  7. Chỗ ở hiện tại: C4, Tập thể Hóa chất, ngõ Thịnh Hòa 1, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội
  8. Số điện thoại liên lạc: 04.38355477      Di động: 0913.582.561
  9. Trình độ văn hóa      : Đại học
  10. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.
  11. Quá trình công tác:
    - Từ năm 1985 đến tháng 1/2008 công tác tại phòng thiết kế xây dựng, Công ty CP Thiết kế CN Hóa chất.
    - Từ tháng 2/2008 đến tháng 1/2011 công tác tại Ban đầu tư, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
    - Từ tháng 2/2011 đến nay công tác tại Công ty CP Thiết kế CN Hóa chất
  12. Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty
  13. Số lượng cổ phiếu được ủy quyền hoặc nắm giữ: 9.228 cổ phiếu
- Số cổ phần của người có liên quan: Không có

**❖ Ông Phạm Hoài Thanh – Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc công ty**

1. Họ và tên: Phan Hoài Thanh
2. Giới tính : Nam
3. Ngày sinh: 16/04/1956
4. CMND Số : 011558265      ngày cấp: 19/03/2008      tại: CA Tp Hà Nội

5. Quốc tịch: Việt Nam
  6. Địa chỉ thường trú : Số 107, tổ 5, phường Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp Hà Nội
  7. Chỗ ở hiện tại : Số 107, tổ 5, phường Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp Hà Nội
  8. Số điện thoại liên lạc: 04.37660024 Di động: 0913.527.369
  9. Trình độ văn hóa : Đại Học
  10. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
  11. Quá trình công tác:
    - Từ năm 1978 đến nay Công tác tại Công ty CP Thiết kế CN Hóa chất
  12. Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty
  13. Số lượng cổ phiếu được ủy quyền hoặc nắm giữ: 8.569 cổ phiếu
- Số cổ phần của người có liên quan: Không có
- ***Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm:***

Ngày 01/07/2011 Bổ nhiệm Ông Nguyễn Mạnh Hùng làm giám đốc công ty thay cho Ông Đỗ Hiên Ngang do có sự yêu cầu của công việc.

- ***Quyền lợi của Ban Giám đốc***

Lương và phụ cấp Giám đốc, Phó Giám đốc điều hành, kế toán trưởng do Hội đồng quản trị ấn định theo thang bảng lương áp dụng tại công ty đã đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước và theo quy chế lương của công ty.

- **Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**

Tính đến thời điểm 31/12/2012, cơ cấu lao động trong công ty như sau:

| STT | Trình độ | Số lượng lao động (người) |
|-----|----------|---------------------------|
|-----|----------|---------------------------|



|         |  |     |
|---------|--|-----|
| 1       | Trình độ Đại học và trên Đại học           | 237 |
| 2       | Trình độ Cao đẳng, trung cấp               | 14  |
| 3       | Công nhân kỹ thuật                         | 10  |
| 4       | Lao động phổ thông (có chứng chỉ học nghề) | 7   |
| Tổng số |  | 268 |

Thu nhập Bình quân người lao động trong công ty

| Năm      | 2010      | 2011      | 2012        |
|----------|-----------|-----------|-------------|
| Thu nhập | 7.933.000 | 9.700.000 | 10.500.000đ |

Chính sách lao động: Người lao động đã được ký kết hợp đồng lao động tại công ty sẽ được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ theo Nội quy, quy chế lương và thỏa ước lao động tập thể của công ty.

#### - Thay đổi thành viên Ban kiểm soát

Ngày 08/04/2012 Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Bích làm thành viên BKS thay cho bà Nguyễn Thị Vân Hoa do yêu cầu công việc ở Tập đoàn hóa chất.

### I. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

#### 1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

❖ **Thành viên và cơ cấu HĐQT:** Hội đồng quản trị công ty gồm 01 Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên

| TT | Họ và tên     | Chức vụ         | Ghi chú |
|----|---------------|-----------------|---------|
| 1  | Đỗ Hiên Ngang | Chủ tịch HĐQT   |         |
| 2  | Đình Đức Bộ   | Thành viên HĐQT |         |

|   |                   |                 |  |
|---|-------------------|-----------------|--|
| 3 | Nguyễn Công Thắng | Thành viên HĐQT |  |
| 4 | Nguyễn Mạnh Hùng  | Thành viên HĐQT |  |
| 5 | Phan Hoài Thanh   | Thành viên HĐQT |  |

❖ **Hoạt động của HĐQT trong năm 2012:**

- Công tác cổ đông, thực hiện quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu theo Luật Doanh nghiệp.
- Phát triển thương hiệu, xây dựng văn hóa Công ty, tích lũy tài sản vô hình.
- Xây dựng quy chế, xây dựng bộ máy và lãnh đạo công tác phát triển nguồn nhân lực.
- Lãnh đạo công tác nghiên cứu - phát triển và hợp tác - đầu tư.
- Lãnh đạo và kiểm soát việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng năm.

❖ **Hoạt động của Ban kiểm soát :** Theo nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ của Công ty: kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; tham gia xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty.....

❖ **Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty**

- Lấy lại tốc độ tăng trưởng trung bình 5 năm (doanh thu 16%, lợi nhuận 14% năm)
- Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhiệm vụ thực hiện các dự án EPC lớn
- Tăng cường năng lực các Chi nhánh, đạt tỷ trọng lợi nhuận thực hiện tại các Chi nhánh Công ty trên 50%.

❖ Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT/BKS: Do đại hội đồng cổ đông quyết định, được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn

và chi phí phát sinh một cách hợp lý khi tham gia các cuộc họp, hoạt động liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát (Phần sở hữu cá nhân).

| TT        | Họ và tên            | Chức vụ              | Số CP sở hữu tại ngày 31/12/2012 |              |
|-----------|----------------------|----------------------|----------------------------------|--------------|
|           |                      |                      | Số lượng                         | Tỷ lệ %      |
| <b>I</b>  | <b>HĐQT</b>          |                      | <b>93.530</b>                    | <b>5,32%</b> |
| 1         | Đỗ Hiến Ngang        | Chủ tịch HĐQT        | 16.261                           | 0,92%        |
| 2         | Đình Đức Bộ          | Thành viên HĐQT      | 19.810                           | 1,13%        |
| 3         | Nguyễn Công Thắng    | Thành viên HĐQT      | 39.662                           | 2,25%        |
| 4         | Nguyễn Mạnh Hùng     | Thành viên HĐQT      | 9.228                            | 0,52%        |
| 5         | Phan Hoài Thanh      | Thành viên HĐQT      | 8.569                            | 0,48%        |
| <b>II</b> | <b>Ban kiểm soát</b> |                      | <b>60.868</b>                    | <b>3,46%</b> |
| 1         | Nguyễn Văn Bang      | Trưởng ban kiểm soát | 24.611                           | 1,4%         |
| 2         | Nguyễn Thị Kim Liên  | Thành viên BKS       | 36.257                           | 2,06%        |
| 3         | Nguyễn Thị Bích      | Thành viên BKS       | 0                                | 0            |
|           | <b>Tổng cộng</b>     |                      | <b>154.398</b>                   | <b>8,78%</b> |

### Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

| Tên cổ đông  | Số cổ phần nắm giữ (CP) | Tỷ lệ  |
|--|-------------------------|--------|
| <b>CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC</b>  |                         |        |
| Tập đoàn Hóa chất Việt nam   | 927.540                 | 52,76% |
| Đại diện: - Ông Đỗ Hiến Ngang<br>- Ông Nguyễn Mạnh Hùng<br>- Ông Phan Hoài Thanh |                         |        |
| <b>CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC</b>   |                         |        |
| <b>Trong đó:</b>   |                         |        |
| + Trong nước : Công ty CP Việt sáng tạo  | 58.598                  | 3,33%  |

|                        |                  |             |
|------------------------|------------------|-------------|
| + Ngoài nước           | 0                | 0%          |
| <b>CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN</b> |                  |             |
| + Trong nước           | 771.814          | 43,91%      |
| + Ngoài nước           | 0                | 0%          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>       | <b>1.757.952</b> | <b>100%</b> |

*Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2013*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Đỗ Hiên Ngang**